

Bản án số: 20/2018/HS-ST  
Ngày 26/11/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Võ Thị Hồng Hải;

+ Bà Phạm Thị Như Sứy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị TT (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 6 năm 1968, tại huyện DX tỉnh QN; nơi cư trú: Thôn Ch S, xã DS, huyện DX tỉnh QN; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T Đ (đã chết) và bà Ngô Th Đ (đã chết); bị cáo có chồng là Lưu C S, sinh năm 1969 và 02 con, lớn 18 tuổi, nhỏ 16 tuổi; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

***- Người bị hại:*** Bà Trần Thị M T (tên gọi khác: Trần Thị T), sinh năm 1973; trú tại: Thôn TA, xã Bì M, huyện TB, tỉnh QN. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Lưu C S (tên gọi khác: Lưu Sắt), sinh năm 1969; trú tại: Thôn Ch S, xã DS, huyện DX tỉnh QN. *Có mặt.*

***- Người làm chứng:***

+ Bà Lưu Thị K H, sinh năm 1982; trú tại: Xã Quế X 1, huyện Q S, tỉnh Q N.

*Vắng mặt.*

+ Bà Nguyễn Th P, sinh năm 1969; trú tại: Thôn Th Th, xã D T, huyện DX tỉnh QN. *Vắng mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/8/2018, bị cáo Nguyễn Thị TT điều khiển xe mô tô Honda Cup 50, biển kiểm soát 92KA - 5189 đi từ nhà đến thôn Bà Rén, xã Quế X 1, huyện Q S, tỉnh Q N để lấy thuốc uống đau đầu gối cho mình. Khi đến chợ Bà Rén, bị cáo TT để xe gần cổng chợ rồi đi vào bên trong chợ. Bị cáo mua được một bó rau muống và đi dạo xung quanh. Khi đến trước quầy hàng bán cá, bị cáo phát hiện có dựng một xe mô tô (xe này của bà Trần Thị M T), trên móc khóa phía dưới ổ khóa khởi động xe mô tô có treo một túi xách bằng ni lông màu xanh. Bị cáo TT nhìn thấy túi xách màu xanh liền nảy sinh ý định trộm cắp túi xách này. Bị cáo tiến lại gần xe mô tô trên, quan sát xung quanh không có ai để ý, nên lén lút dùng tay phải lấy túi xách màu xanh ra khỏi móc mô tô. Khi lấy được túi xách, bị cáo TT đi ra khỏi nơi để xe, vừa đi vừa bỏ túi xách đã trộm được vào túi ni lông đựng rau muống rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92KA – 5189 về nhà. Trong túi xách có 02 cuốn sổ và 24.922.000 đồng tiền mặt, bị cáo TT tiêu xài cá nhân hết 10.522.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Sơn.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 xe mô tô Honda Cup 50, biển kiểm soát 92KA - 5189, 01 áo khoát màu hồng, 01 đôi dép nhựa màu xanh da trời, 01 mũ bảo hiểm màu xám, số tiền 14.400.000 đồng, 01 túi xách bằng ni lông màu xanh, 02 quyển sổ có bìa cứng màu đen, 01 đĩa CD chứa đựng hành vi phạm tội của bị cáo.

Quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Sơn bị cáo TT đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 17/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn kết luận: 01 túi xách bằng ni lông màu xanh có giá trị 1.000 đồng, 02 quyển sổ bìa cứng màu đen có giá trị 4.000 đồng, tổng giá là 5.000 đồng.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSQS ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị TT về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị TT mức án từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo TT đã hoàn trả toàn bộ số tiền đã trộm cắp cho người bị hại bà Trần Thị M T. Bà MT không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thống nhất với hành vi phạm tội như cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tại phiên tòa, không tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu C S đề nghị được nhận lại xe mô tô Honda Cup 50, biển kiểm soát 92KA - 5189.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại và những người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án nên căn cứ vào Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/8/2018, tại chợ Bà Rén thuộc thôn Bà Rén, xã Quế X 1, huyện Q S, tỉnh Q N, bị cáo Nguyễn Thị TT đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, tài sản không có người trông coi, bị cáo đã lén lút trộm cắp của bà

Trần Thị M T một túi xách bằng ni lông màu xanh, bên trong có số tiền 24.922.000 đồng và 02 cuốn sổ bìa cứng màu đen, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 24.927.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị TT phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bản cáo trạng số 25/CT-VKSQS ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo TT có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng do tham lam nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo TT không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách giao trả toàn bộ số tiền trộm cắp được cho người bị hại; người bị hại bà Trần Thị M T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo khi lượng hình.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Trần Thị M T đã nhận lại toàn bộ tài sản mà bị cáo TT trộm cắp. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà MT không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 14.400.000 đồng, 01 túi xách bằng ni lông màu xanh và 02 cuốn sổ bìa cứng màu đen là tài sản bị cáo TT đã trộm cắp của bà M T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho chủ sở hữu bà Trần Thị M T theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Đối với 01 xe mô tô Honda Cup 50 biển kiểm soát 92KA - 5189, bị cáo TT không dùng xe này với mục đích đi trộm cắp tài sản nên cần giao trả lại cho bị cáo và ông Lưu C S

- Đối với 01 áo khoát màu hồng, 01 đôi dép nhựa màu xanh da trời, 01 mũ bảo hiểm màu xám là tài sản mà bị cáo mang trên người khi đi trộm cắp tài sản. Đây là tài sản không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 đĩa CD chứa đựng hình ảnh hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị TT phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị TT 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Thị TT cho Ủy ban nhân dân xã DS, huyện DX tỉnh QN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; xử:

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thị TT và ông Lưu C S 01 xe mô tô Honda Cup 50, biển kiểm soát 92KA - 5189.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoát màu hồng, 01 đôi dép nhựa màu xanh da trời, 01 mũ bảo hiểm màu xám của bị cáo.

*(Vật chứng trên được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 15 Tháng 11 năm 2018)*

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị TT phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018). Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích các quy định về án treo)

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

### **Các hội thẩm**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

### **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thọ**